

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/01/2022
V/v “Ly hôn giữa chị H và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hòa.
2. Bà Phạm Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Hồ Thị Ngọc H**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hưng, xã Phú Vang, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Chị H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 22 tháng 11 năm 2021

* **Bị đơn:** **Trần Văn L**, sinh năm 1979. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hưng, xã Phú Vang, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/9/2020; Bản tự khai ngày 22/02/2021; Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 22/11/2021 cũng như những lời khai tiếp theo, chị Hồ Thị Ngọc H trình bày:

Chị H và anh Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang, huyện BÐ. Quá trình chung

sống thời gian đầu vợ, chồng sống có H phúc, đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chưa có sự tin tưởng nhau, anh L ghen tuông vô cớ, thường hay chửi mắng và bạo lực với chị H, đồng thời, anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị H cố gắng thuyết phục, trao đổi và tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, sống vui vẻ, H phúc và lo cho con nhưng không mang lại kết quả. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Hiện tại, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh L nữa, chị H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Thị Ngọc B1, sinh ngày 10/9/2003. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2021, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Văn L trình bày:

Anh L thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, hiện tại anh L đã nhận thấy lỗi lầm, hối hận và cam kết khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ, chồng với chị Hồ Thị Ngọc H. Hiện tại, anh L vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị H để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Thị Ngọc B1, sinh ngày 10/9/2003. Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Ngọc H đối với anh Trần Văn L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Thị Ngọc B1, sinh ngày 10/9/2003. Các con chung đều đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị Ngọc H và anh Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có H phúc đến giữa năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chưa có sự tin tưởng nhau, anh L ghen tuông vô cớ, thường hay chửi mắng và bạo lực với chị H, đồng thời, anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Mặc dù tại phiên tòa, anh L không đồng ý ly hôn, nhận thấy lỗi lầm, hối hận và cam kết khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ, chồng với chị Hồ Thị Ngọc H. Tuy nhiên, kể từ khi vợ, chồng sống ly thân đến nay đã trên 01 năm và trong năm 2020, chị H đã nộp đơn ly hôn một lần và sau đó rút đơn nhưng anh L vẫn không có biện pháp hàn gắn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Hồ Thị Ngọc H và anh Trần Văn L đều khai thống nhất, có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Thị Ngọc B1, sinh ngày 10/9/2003. Các con chung đều đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xét đến.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị Ngọc H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Ngọc H với anh Trần Văn L.

Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Ngọc H với anh Trần Văn L.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 17/5/2000 và Trần Thị Ngọc B1, sinh ngày 10/9/2003. Các con chung đều đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Hồ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003312 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy, chị H đã nộp xong án phí.

Anh Trần Văn L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Hồ Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Vang (Số 49, quyền 1/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi